TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Đức; bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên *tham gia phiên tòa:* Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Tuyết N, sinh năm 1997.

HKTT: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: Nhà văn hóa L1, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1990.

HKTT: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Hiện anh Nhất đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

Bà Lương Thị T, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ dân phố T1, thị trấn P, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Đào Thị D, sinh năm 1969.

Trú tại: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Tuyết Nhung trình bầy:

Chị và anh Trần Văn N1 kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Hưng Yên ngày 06/03/2017. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng mẹ anh N1 tại thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên. Vợ chồng hạnh phúc được mấy tháng đầu. Cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N1 đi chơi nhiều qua đêm không về nhà, anh đi lắc ở vũ trường trên P, thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên. Vợ chồng cãi nhau suốt, anh N1 đã đánh chị 02 lần. Tháng 6/2019 chị xin phép mẹ chồng và bàn với anh N1 lên tỉnh Bắc Ninh làm, nhưng anh không chịu đi làm cùng chị nên chị quyết định đi một mình. Chị làm điện tử cho Công ty AAC technologies Việt Nam tại huyện Quế Võ 1, tỉnh Bắc Ninh. Từ khi chị lên Bắc Ninh làm và ở trên đó thì anh N1 lên tìm chị 02 lần nhưng vẫn không muốn làm cùng chị. Còn chị thì không về nhà nữa vì dịch bệnh Covid. Giữa chị và anh N1 cũng ít nhắn tin và gọi điện cho nhau do không còn tình cảm vợ chồng. Trong năm 2020 anh N1 chủ động gọi điện cho chị bảo về nhà làm thủ tục ly hôn để anh để lấy vợ mới. Tháng 4/2022, anh N1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt anh 6 năm 6 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Hiện anh N1 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hưng Yên. Chị nhận thấy thời gian chung sống với anh N1 không có hạnh phúc. Nay anh N1 lại đi tù, không thể mang lại hạnh phúc cho chị. Chị xin được ly hôn anh Nhất.

Bị đơn anh Trần Văn N1 trình bầy: Anh và chị Vũ Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn năm 2017 tại UBND xã L. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã L. Anh làm nghề tự do, chị N làm công nhân may. Năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Năm 2021 anh bị bắt về tội Cố ý gây thương tích và bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 06 năm 06 tháng tù. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Nay, chị N có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị đều khẳng định chưa có con chung, không có con nuôi, con riêng. Anh chị đều không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh N1 khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng bà Đào Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ anh N1, mẹ chồng chị N trình bày. Việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tụ nguyện, gia đình không ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng anh N1 sống cùng bà, anh chị không đánh cãi chửi nhau nhưng mãi chưa có con chung, vì trước đó chị N mang thai ngoài dạ con nên đã phải cắt đi một bên buồng trứng. Khoảng đầu năm 2020 chị N bỏ anh N1 đi làm trên Bắc Ninh vì anh làm ăn thua lỗ. Giữa anh N1 và chị N chưa có con chung

và không có tài sản nợ chung với với gia đình bà. Nay chị N xin ly hôn anh N1 bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người làm chứng bà Lương Thị T trình bày: Sau kết hôn vợ chồng chị N chung sống cùng mẹ đẻ anh N1 tại Hưng Yên. Cuối năm 2017, anh N1 gọi điện cho bà nói là "trả con gái mẹ, vì con gái mẹ chửi con" thì bà mới biết là vợ chồng anh N1 đánh cãi chửi nhau. Chị N nói do anh N1 cứ đi chơi qua đêm để nhảy lắc ở vũ trường, chị nói nhiều nhưng anh không nghe nên vợ chồng chửi nhau, rồi anh N1 quay ra đánh chị. Do khuyên bảo anh N1 không được nên chị N chán đã đi làm trên Bắc Ninh. Hôm 30/4/2022 chị N về nhà bà nói anh N1 bị bắt và xử tù vì tội Cố ý gây thương tích và chị N muốn ly hôn. Vợ chồng chị N chưa có con chung và không có tài sản, nợ nần chung với gia đình bà. Chị N xin ly hôn anh N1 bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nhung và anh Nhất đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì anh Nhất hiện đang bị tạm giam nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX tuyên xử cho chị N được ly hôn anh N1; không xem xét giải quyết về con chung và tài sản nợ chung; chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị Tuyết N xin ly hôn với anh Trần Văn N1 có địa chỉ: Đội 7, thôn Đ, xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Tại thời điểm giải quyết vụ án anh N1 đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

Tại phiên tòa nguyên, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tuyết N và anh Trần Văn N1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên ngày 06/03/2017, như vậy hôn nhân giữa chị và anh N1 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị N, anh N1 cũng như đại diện hai bên gia đình, chính quyền địa phương đều khẳng định cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ đầu năm 2020. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên anh chị đã không chung sống cùng nhau. Một phần do hai vợ chồng chưa có con. Cuối năm 2019 và đầu năm 2020 chị N đi làm và ở luôn trên Bắc Ninh, vợ chồng xa cách không có tiếng nói chung. Ngày 7/4/2022 anh N1 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Chị N có đơn xin ly hôn, anh N1 đồng ý. Như vậy mâu thuẫn giữa chị và anh N1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Hiện tại anh N1 phải chấp hành án phạt tù thời gian dài. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N để chị sớm ổn định cuộc sống của mình.

[2.3] Về con chung: Anh chị chưa có con chung, không có con nuôi và con riêng, do đó không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh N1 không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Tuyết N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tuyết N được ly hôn anh Trần Văn N1.

[2]. Về con chung: Chưa có, không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vũ Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001191 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận.
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã L; TP HY
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh